

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại 02 điểm mỏ cát nhỏ lẻ trên sông Âm, đoạn thuộc xã Giao An và xã Tam Văn, huyện Lang Chánh”
(Trữ lượng tính đến ngày 22 tháng 01 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy phép số 90/GP-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh về việc cho phép Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp Chung Nghĩa được khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường và thuê đất tại xã Giao An và xã Tam Văn, huyện Lang Chánh;

Căn cứ Công văn số 13741/UBND-CN ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận kế hoạch, khối lượng công tác thăm dò, nâng cấp trữ lượng khoáng sản tại 02 điểm mỏ cát nhỏ lẻ trên sông Âm, đoạn thuộc xã Giao An và xã Tam Văn, huyện Lang Chánh của Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp Chung Nghĩa;

Xét Đơn kèm theo hồ sơ của Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp Chung Nghĩa đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong Báo cáo kết quả thăm dò 02 điểm mỏ cát trên sông Âm, đoạn thuộc xã Giao An và xã Tam Văn, huyện Lang Chánh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1102/TTr-STNMT ngày 08 /11/2021 (kèm theo kết luận của Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 04/5/2021 và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại 02 điểm mỏ cát trên sông Âm, đoạn thuộc xã Giao An và xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, diện tích: Diện tích khu vực thăm dò là 0,67 ha, gồm 02 điểm mỏ:
 - + Điểm mỏ 1 thuộc xã Giao An, huyện Lang Chánh có diện tích 0,35 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6;
 - + Điểm mỏ 2 thuộc xã Tam Văn, huyện Lang Chánh có diện tích 0,32 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6;

(tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

- Trữ lượng địa chất cấp 122: 10.645 m³ cát làm vật liệu xây dựng thông thường; trong đó: Cát vàng (cát bê tông) là 2.470 m³; Cát đen (cát xây trát) là 8.175 m³, trữ lượng từng điểm mỏ cụ thể như sau:

+ Điểm mỏ 1 (xã Giao An): 5.422 m³. Trong đó: Cát vàng (cát bê tông) là 1.258 m³; Cát đen (cát xây trát) là 4.164 m³.

+ Điểm mỏ 2 (xã Tam Vãn): 5.223 m³. Trong đó: Cát vàng (cát bê tông) là 1.212 m³; Cát đen (cát xây trát) là 4.011 m³.

- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác: 10.645 m³ cát làm vật liệu xây dựng thông thường; trong đó: Cát vàng (cát bê tông) là 2.470 m³; Cát đen (cát xây trát) là 8.175 m³, trữ lượng từng điểm mỏ cụ thể như sau:

+ Điểm mỏ 1 (xã Giao An): 5.422 m³. Trong đó: Cát vàng (cát bê tông) là 1.258 m³; Cát đen (cát xây trát) là 4.164 m³.

+ Điểm mỏ 2 (xã Tam Vãn): 5.223 m³. Trong đó: Cát vàng (cát bê tông) là 1.212 m³; Cát đen (cát xây trát) là 4.011 m³.

3. Khoáng sản đi kèm: Không

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 02 kèm theo.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

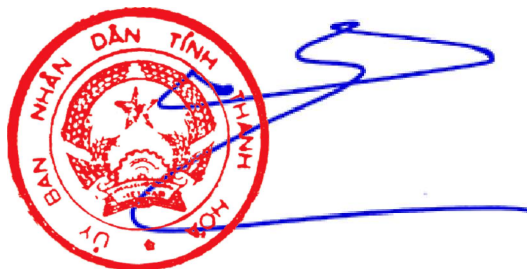
1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch tỉnh (để b/c);
- Văn phòng một cửa Bộ TN&MT;
- Các Sở: TNMT, XD;
- Trung tâm Thông tin Lưu trữ địa chất;
- UBND huyện Lang Chánh;
- Hợp tác xã DVTH Chung Nghĩa;
- Lưu: VT, CN_(Tm.569).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TRÊN SÔNG ÂM ĐOẠN THUỘC XÃ GIAO AN VÀ XÃ TAM VĂN,
HUYỆN LANG CHÁNH**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND ngày / /2021
của UBND tỉnh)*

Tọa độ khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng:

Điểm mỏ/Điểm góc		Hệ tọa độ VN 2000	
		Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
ĐIỂM MỎ 1 xã Giao An S = 0,35 ha	1	2222 849.73	526 908.19
	2	2222 886.38	526 909.79
	3	2222 901.90	526 915.21
	4	2222 911.15	526 929.44
	5	2222 909.65	526 957.73
	6	2222 851.17	526 982.46
ĐIỂM MỎ 2 xã Tam Văn S = 0,32 ha	1	2235 238.87	514 996.38
	2	2235 233.91	515 016.20
	3	2235 317.75	515 036.35
	4	2235 376.67	515 005.30
	5	2235 368.15	514 988.78
	6	2235 319.29	515 010.26

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CÁT LÀM VLXD
THÔNG THƯỜNG TRÊN SÔNG ÂM ĐOẠN THUỘC XÃ GIAO AN
VÀ XÃ TAM VĂN, HUYỆN LANG CHÁNH**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Tên điểm mỏ	Số hiệu khối	Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng (m)	Trữ lượng cát làm VLXD TT (m ³)	Ghi chú
Điểm mỏ 1	I-122	+ 36,5	5.067	
Trữ lượng bồi lắng			355	
Trữ lượng điểm mỏ 1			5.422	
Điểm mỏ 2	II-122	+88,8	2.961	
	III-122	+88,8	1.937	
Trữ lượng bồi lắng			325	
Trữ lượng điểm mỏ 2			5.223	
Tổng trữ lượng địa chất 122			10.645	
Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác			10.645	